

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Thông tin không đủ để tóm tắt doanh nghiệp và xác định chuẩn kế toán.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• **Thiếu:**

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mục V - Tài sản dài hạn) không được trình bày chi tiết (đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết, góp vốn vào đơn vị khác).
- Không có thông tin về "Phần sở hữu của cổ đông thiểu số" (nếu có).
- Không có thông tin về "Các khoản dự trữ" (nếu có).
- Không có thông tin về "Tài sản thuế thu nhập hoãn lại" (nếu có).
- Không có thông tin về "Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn" (nếu có).
- Không có thông tin về "Nguồn kinh phí và quỹ khác" (nếu có).

• **Bất thường:**

- Có mục "Tài sản thiếu chờ xử lý" (mã số 139) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" (mã số 322) được trình bày trong phần "Nợ ngắn hạn", điều này không phù hợp. Quỹ này thường được trình bày trong phần "Vốn chủ sở hữu".
- Có mục "Quỹ bình ổn giá" (mã số 323) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ" (mã số 343) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu" (mã số 413) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Vốn khác của chủ sở hữu" (mã số 414) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Cổ phiếu quỹ" (mã số 415) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" (mã số 416) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" (mã số 417) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.
- Có mục "Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp" (mã số 419) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.

- Có mục "Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản" (mã số 422) nhưng không có số liệu. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- **Thiếu:**

- Không có thông tin về "Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu" (nếu có).
- Không có thông tin về "Chi phí thuế TNDN nghiệp hoãn lại" (nếu có).
- Không có thông tin về "Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế" (nếu có).
- Không có thông tin về "Lợi nhuận thuần trong kỳ".

- **Bất thường:**

- Có mục "Chi phí khác" (mã số 32) nhưng không có số liệu quý III năm nay và lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay. Nếu không có số liệu, mục này nên được bỏ qua.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Cần có báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đối chiếu và đưa ra nhận xét.

2. Phân tích bảng cân đối kế toán.

Phần nguồn vốn:

- **Cơ cấu nguồn vốn:** Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn chủ sở hữu (4.635 tỷ so với 3.289 tỷ đồng). Điều này cho thấy doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào nợ để tài trợ cho hoạt động.
- **Nợ phải trả:** Chủ yếu là nợ ngắn hạn (4.634 tỷ so với 837 triệu đồng nợ dài hạn), cho thấy áp lực thanh toán trong ngắn hạn là khá lớn.
- **So sánh biến động:**
 - Nợ phải trả giảm từ 5.005 tỷ xuống 4.635 tỷ (giảm khoảng 7.4%), chủ yếu do giảm nợ ngắn hạn (vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm).
 - Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 3.303 tỷ xuống 3.289 tỷ (giảm khoảng 0.4%).
 - Quỹ đầu tư phát triển tăng từ 866 tỷ lên 1.063 tỷ đồng, cho thấy doanh nghiệp đang tích lũy vốn cho các dự án phát triển.
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm mạnh từ 534 tỷ xuống 192 tỷ đồng, có thể do chia cổ tức hoặc sử dụng lợi nhuận cho mục đích khác.

Phần tài sản:

- **Tổng tài sản:** Giảm từ 8.308 tỷ xuống 7.924 tỷ đồng (giảm khoảng 4.6%).

- **Cơ cấu tài sản:**

- Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (7.314 tỷ đồng), bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho.
- Tài sản dài hạn là 610 tỷ đồng, chủ yếu là tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn.

- **So sánh biến động:**

- Tài sản ngắn hạn giảm từ 7.842 tỷ xuống 7.314 tỷ (giảm khoảng 6.7%).
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh từ 4.363 tỷ xuống 3.253 tỷ (giảm khoảng 25.4%), cho thấy khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp đã được cải thiện hoặc chính sách bán hàng đã thay đổi.
- Hàng tồn kho tăng từ 1.772 tỷ lên 2.202 tỷ (tăng khoảng 24.2%), có thể do doanh nghiệp tăng cường sản xuất hoặc dự trữ hàng hóa.
- Tài sản dài hạn tăng từ 466 tỷ lên 610 tỷ (tăng khoảng 30.8%), chủ yếu do tăng tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn (chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng mạnh), cho thấy doanh nghiệp đang đầu tư vào cơ sở vật chất.

Đánh giá chung:

- Doanh nghiệp có sự thay đổi trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn.
- Việc giảm nợ ngắn hạn và tăng tài sản dài hạn có thể là dấu hiệu của việc tái cơ cấu tài chính, tập trung vào đầu tư dài hạn.
- Tuy nhiên, cần lưu ý đến việc giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng hàng tồn kho, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán trong tương lai.
- Cần xem xét thêm báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Các chỉ số cần chú ý: khoản phải thu của khách hàng (giảm), khoản phải trả cho nhà cung cấp (giảm), và vốn lưu động (cần tính toán cụ thể để đánh giá).

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Phân tích Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh cho công ty chứng khoán cần tập trung vào các yếu tố đặc thù của ngành.

1. Doanh thu:

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:** Theo dõi sự thay đổi về giá trị tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng doanh thu. Sự tăng trưởng cho thấy khả năng thu hút và duy trì khách hàng, cũng như hiệu quả của hoạt động môi giới. Ngược lại, sự sụt giảm có thể do thị phần giảm, cạnh tranh gia tăng hoặc thị trường chung suy yếu.

- **Doanh thu từ hoạt động tự doanh:** Phản ánh hiệu quả của hoạt động đầu tư của công ty. Cần xem xét kỹ lưỡng danh mục đầu tư, chiến lược đầu tư và khả năng dự báo thị trường. Biến động lớn trong doanh thu tự doanh có thể ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận chung.
- **Doanh thu từ hoạt động tư vấn:** Thể hiện năng lực và uy tín của công ty trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, M&A, IPO... Tăng trưởng doanh thu tư vấn cho thấy công ty đang mở rộng phạm vi dịch vụ và thu hút được khách hàng lớn.
- **Doanh thu khác:** Bao gồm các khoản thu từ lưu ký chứng khoán, quản lý tài khoản... Cần xem xét tỷ trọng và sự ổn định của khoản mục này.

2. Chi phí:

- **Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán:** Bao gồm chi phí trả cho nhân viên môi giới, chi phí quảng cáo, chi phí giao dịch... Cần kiểm soát chi phí này để đảm bảo hiệu quả hoạt động môi giới.
- **Chi phí hoạt động tự doanh:** Gồm chi phí giao dịch, chi phí quản lý danh mục đầu tư... Cần đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và khả năng kiểm soát rủi ro.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Bao gồm lương nhân viên, chi phí thuê văn phòng, chi phí hành chính... Cần duy trì chi phí này ở mức hợp lý để tối ưu hóa lợi nhuận.

3. Lợi nhuận:

- **Lợi nhuận gộp:** Cho biết hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty. So sánh tỷ lệ lợi nhuận gộp giữa các kỳ để đánh giá khả năng sinh lời.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Phản ánh kết quả kinh doanh tổng thể của công ty trước khi trừ thuế.
- **Lợi nhuận sau thuế:** Là chỉ số quan trọng nhất, cho biết lợi nhuận thực tế mà công ty thu được sau khi đã trừ thuế.

4. Phân tích thêm:

- **Tỷ lệ chi phí/doanh thu:** Đánh giá hiệu quả quản lý chi phí của công ty.
- **So sánh với các đối thủ cạnh tranh:** Xem xét vị thế của công ty trên thị trường.
- **Phân tích xu hướng:** Đánh giá triển vọng phát triển của công ty trong tương lai.

Nhận định chung:

Dựa trên sự thay đổi của các khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận, có thể đưa ra nhận định về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán. Ví dụ:

- Nếu doanh thu môi giới tăng trưởng mạnh, chi phí được kiểm soát tốt, lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế đều tăng, cho thấy công ty đang hoạt động hiệu quả và có tiềm năng phát triển.
- Nếu doanh thu tự doanh giảm mạnh do thị trường biến động, chi phí tăng cao, lợi nhuận giảm sút, cho thấy công ty đang gặp khó khăn và cần có biện pháp cải thiện.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

[Doanh nghiệp Chứng khoán ABC - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2023 so với năm 2022 (Giả định)]

Tóm tắt:

- **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh:** Năm 2023 ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2022 (ví dụ: tăng 50%). Điều này cho thấy khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty chứng khoán được cải thiện, có thể do tăng trưởng doanh thu từ hoạt động môi giới, tự doanh hoặc tư vấn đầu tư.
- **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư:** Có thể ghi nhận sự thay đổi đáng kể (tăng hoặc giảm) so với năm trước. Nếu dòng tiền âm tăng lên, điều này có thể cho thấy công ty đang tích cực đầu tư vào các tài sản tài chính hoặc mở rộng hoạt động. Ngược lại, nếu dòng tiền dương tăng lên, có thể công ty đang thanh lý bớt các khoản đầu tư.
- **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính:** Cần xem xét kỹ lưỡng sự thay đổi của dòng tiền này. Nếu dòng tiền dương tăng lên, có thể công ty đang tăng vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phiếu) hoặc tăng vay nợ. Nếu dòng tiền âm tăng lên, có thể công ty đang trả nợ hoặc trả cổ tức.
- **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ:** So sánh với đầu kỳ để thấy sự thay đổi về lượng tiền mặt của công ty. Sự gia tăng cho thấy tình hình thanh khoản được cải thiện, trong khi sự sụt giảm có thể gây áp lực lên khả năng thanh toán.

Phân tích chi tiết (Ví dụ):

- **Hoạt động kinh doanh:**
 - Doanh thu từ hoạt động môi giới tăng X%, dẫn đến tăng dòng tiền vào từ hoạt động này.

- Chi phí hoạt động (ví dụ: chi phí nhân viên, chi phí marketing) tăng Y%, nhưng mức tăng này thấp hơn so với tăng trưởng doanh thu, cho thấy hiệu quả hoạt động được cải thiện.

- **Hoạt động đầu tư:**

- Công ty đã đầu tư thêm Z tỷ đồng vào trái phiếu doanh nghiệp, làm tăng dòng tiền ra từ hoạt động đầu tư.
- Thanh lý một số khoản đầu tư ngắn hạn, tạo ra dòng tiền vào từ hoạt động này.

- **Hoạt động tài chính:**

- Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, thu về A tỷ đồng.
- Trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền B tỷ đồng.

Nhận định:

Dựa trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, công ty chứng khoán ABC có vẻ đang có tình hình tài chính ổn định và khả năng tạo tiền tốt từ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, cần xem xét kỹ lưỡng các hoạt động đầu tư và tài chính để đánh giá rủi ro và cơ hội của công ty. Ví dụ, việc tăng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có thể mang lại lợi nhuận cao hơn, nhưng cũng đi kèm với rủi ro tín dụng. Việc tăng vay nợ có thể giúp công ty mở rộng hoạt động, nhưng cũng làm tăng áp lực trả nợ.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	Công thức	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm
1. Chỉ số thanh khoản			
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	$7,314,238,684,934 / 4,634,774,051,979 = \mathbf{1.58}$	$7,842,099,023,673 / 5,004,470,799,542 = \mathbf{1.57}$
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	$(7,314,238,684,934 - 2,202,855,113,099) / 4,634,774,051,979 = \mathbf{1.10}$	$(7,842,099,023,673 - 1,772,510,037,653) / 5,004,470,799,542 = \mathbf{1.21}$
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương	$1,665,430,378,151 / 4,634,774,051,979 = \mathbf{0.36}$	$1,572,970,195,920 / 5,004,470,799,542 = \mathbf{0.31}$

Chỉ số	Công thức	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm
	đương tiền / Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	4,635,611,538,373 / 7,924,711,637,805 = 0.58	5,005,308,285,936 / 8,308,862,347,606 = 0.60
Nợ trên vốn chủ	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	4,635,611,538,373 / 3,289,100,099,432 = 1.41	5,005,308,285,936 / 3,303,554,061,670 = 1.51
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	Không tính được. Cần thông tin về EBIT (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay).	Không tính được. Cần thông tin về EBIT (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay).
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	3,122,730,476,832 / ((2,202,855,113,099 + 1,772,510,037,653)/2) = 1.57 (Lưu ý: Sử dụng giá vốn lũy kế từ đầu năm và tồn kho bình quân của đầu năm và cuối quý 3)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu giá vốn hàng bán của riêng quý 3 năm trước.
Vòng quay khoản phải thu	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	4,082,024,646,999 / ((3,253,804,653,780 + 4,363,922,063,460)/2) = 1.07 (Lưu ý: Sử dụng doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm và khoản phải thu bình quân của đầu năm và cuối quý 3)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu doanh thu thuần của riêng quý 3 năm trước.
Vòng quay	Doanh thu thuần / Tổng	4,082,024,646,999 / ((7,924,711,637,805 + 8,308,862,347,606)/2) = 0.50	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu doanh thu

Chỉ số	Công thức	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm
tổng tài sản	tài sản bình quân	(Lưu ý: Sử dụng doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm và tổng tài sản bình quân của đầu năm và cuối quý 3)	thuần của riêng quý 3 năm trước.
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	959,294,170,167 / 4,082,024,646,999 = 0.23 (Lưu ý: Sử dụng lợi nhuận gộp và doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu lợi nhuận gộp và doanh thu thuần của riêng quý 3 năm trước.
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	251,554,782,519 / 4,082,024,646,999 = 0.06 (Lưu ý: Sử dụng lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần lũy kế từ đầu năm)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần của riêng quý 3 năm trước.
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	251,554,782,519 / ((7,924,711,637,805 + 8,308,862,347,606)/2) = 0.03 (Lưu ý: Sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm và tổng tài sản bình quân của đầu năm và cuối quý 3)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu lợi nhuận sau thuế của riêng quý 3 năm trước.
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	251,554,782,519 / ((3,289,100,099,432 + 3,303,554,061,670)/2) = 0.08 (Lưu ý: Sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm và vốn chủ sở hữu bình quân của đầu năm và cuối quý 3)	Không tính được cho quý 3. Cần số liệu lợi nhuận sau thuế của riêng quý 3 năm trước.
5. Chỉ số định giá			
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số	Không tính được. Cần thông tin về số lượng cổ phiếu lưu hành.	Không tính được. Cần thông tin về số lượng cổ phiếu lưu hành.

Chỉ số	Công thức	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm
	cổ phiếu lưu hành		
P/E	Giá thị trường / EPS	Không tính được. Cần thông tin về giá thị trường và EPS.	Không tính được. Cần thông tin về giá thị trường và EPS.
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Không tính được. Cần thông tin về giá thị trường và số lượng cổ phiếu lưu hành để tính BVPS.	Không tính được. Cần thông tin về giá thị trường và số lượng cổ phiếu lưu hành để tính BVPS.
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác (Quý 3/2025)			
Doanh thu Thuần	Doanh thu bán hàng và CCDV - Các khoản giảm trừ	1,373,386,588,219 - 8,805,245,019 = 1,364,581,343,200	1,345,756,590,289 - 16,903,440,555 = 1,328,853,149,734
Giá vốn		991,273,559,598	944,459,248,246
Lợi nhuận gộp	Doanh thu Thuần - Giá vốn	1,364,581,343,200 - 991,273,559,598 = 373,307,783,602	1,328,853,149,734 - 944,459,248,246 = 384,393,901,488
Lợi nhuận trước thuế		92,136,624,538	82,105,739,983
Lợi nhuận sau thuế		80,845,718,146	76,613,973,787
7. Tăng trưởng (So sánh			

Chỉ số	Công thức	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm
lũy kế từ đầu năm)			
Tăng trưởng Doanh thu thuần	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100%	(4,082,024,646,999 - 6,279,077,800,827) / 6,279,077,800,827 * 100% = -34.99%	
Tăng trưởng Giá vốn	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100%	(3,122,730,476,832 - 4,886,198,976,507) / 4,886,198,976,507 * 100% = -36.09%	
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100%	(251,554,782,519 - 408,546,260,506) / 408,546,260,506 * 100% = -38.43%	
8. Dòng tiền			
CFO/ Doanh thu thuần	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	711,212,079,650 / 4,082,024,646,999 = 0.17	19,902,477,823 / 6,279,077,800,827 = 0.003
FCFE	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh - Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định	711,212,079,650 - 226,089,610,388 = 485,122,469,262	19,902,477,823 - 96,723,635,888 = -76,821,158,065

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- **Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:**

- Cuối kỳ: $3,289,100,099,432 / 7,924,711,637,805 = 0.42$
- Đầu năm: $3,303,554,061,670 / 8,308,862,347,606 = 0.40$
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tăng nhẹ cho thấy doanh nghiệp có sức khỏe tài chính ổn định hơn và ít phụ thuộc vào nợ vay hơn so với đầu năm. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn còn thấp, cho thấy doanh nghiệp vẫn sử dụng đòn bẩy tài chính đáng kể.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- **Hệ số thanh toán hiện hành:**

- Cuối kỳ: **1.58**
- Đầu năm: **1.57**
- Hệ số thanh toán hiện hành duy trì ổn định ở mức 1.58 cho thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.

- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** Không tính được do thiếu dữ liệu EBIT.

- **Hệ số vòng quay khoản phải thu:**

- Cuối kỳ: **1.07**
- Doanh nghiệp cần $(365 / 1.07) = 341$ ngày để thu hồi các khoản phải thu.
- Thời gian thu hồi công nợ quá dài, cho thấy doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc quản lý dòng tiền và thu hồi nợ.

- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho:**

- Cuối kỳ: **1.57**
- Hàng tồn kho luân chuyển 1.57 lần trong kỳ.
- Hệ số vòng quay hàng tồn kho thấp cho thấy hàng tồn kho có thể bị ứ đọng, tiêu thụ chậm, có thể gây hư hỏng, hết hạn sử dụng hoặc giảm giá trị.

3. Phân tích đòn bẩy tài chính:

- **Hệ số nợ:**

- Cuối kỳ: **0.58**
- Đầu năm: **0.60**
- Hệ số nợ giảm nhẹ cho thấy doanh nghiệp giảm sự phụ thuộc vào nợ vay. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn ở mức cao, cho thấy doanh nghiệp vẫn sử dụng đòn bẩy tài chính đáng kể.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS):**
 - Cuối kỳ: **0.06**
 - Với mỗi đồng doanh thu thuần, doanh nghiệp tạo ra 0.06 đồng lợi nhuận sau thuế.
 - ROS thấp cho thấy hiệu quả quản lý chi phí của doanh nghiệp chưa cao.
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA):**
 - Cuối kỳ: **0.03**
 - Với mỗi đồng tài sản, doanh nghiệp tạo ra 0.03 đồng lợi nhuận sau thuế.
 - ROA thấp cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp chưa cao.
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):**
 - Cuối kỳ: **0.08**
 - Với mỗi đồng vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp tạo ra 0.08 đồng lợi nhuận sau thuế.
 - ROE thấp cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp chưa cao.
- **Thu nhập một cổ phần thường (EPS):** Không tính được do thiếu dữ liệu về số lượng cổ phiếu lưu hành.

5. Phân tích dòng tiền:

- **CFO/Doanh thu thuần:**
 - Cuối kỳ: **0.17**
 - Đầu năm: **0.003**
 - Tỷ lệ CFO/Doanh thu thuần tăng mạnh cho thấy doanh nghiệp tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tốt hơn so với đầu năm.
- **FCFE:**
 - Cuối kỳ: **485,122,469,262**
 - Đầu năm: **-76,821,158,065**
 - FCFE dương cho thấy doanh nghiệp có dòng tiền tự do để tái đầu tư hoặc trả nợ.

7. Tăng trưởng (So sánh lũy kế từ đầu năm):

- **Tăng trưởng Doanh thu thuần: -34.99%**
- **Tăng trưởng Giá vốn: -36.09%**
- **Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế: -38.43%**
- Doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận sau thuế đều giảm so với cùng kỳ năm trước.